

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2020/HS-ST**

Ngày: 18-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***-Th1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Đạt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

Ông Nguyễn Văn Hà

***-Thư ký phiên tòa:***

Bà Trương Thị Hoàn-Thư ký TAND huyện

Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu  
tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Minh Quế-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Thanh A (Tèo), sinh năm 1998; HKTT: khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm thuê

Cha: Bùi Xuân Đ, mẹ Phan Thị Ngọc H;

Bị cáo là con đầu trong gia đình có 2 anh em.

Vợ: Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1997;

Con: 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24-5-2020.

2.Bị hại:

-Ông Đinh Văn B, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp 2, xã 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

-Ông Nguyễn Danh C, sinh năm 2005; địa chỉ: Khu Phố 2, thị trấn 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

4. Nguyên đơn dân sự: Ông Trần Hữu D, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp An Điền, xã Lộc An, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu Phố 2, thị trấn 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

- Bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

- Ông Lê Thành Tr, sinh năm 1997; Khu phố 3, thị trấn 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

- Ông Võ Đình Th, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

- Ông Nguyễn Trung Th1, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố 1, phường 2, Thành phố 3, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/02/2020, Bùi Thanh A đến chơi Vịt của ông Đình Văn B chơi và ngủ lại. Sáng ngày 25/02/2020, A Mượn xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 của ông B để về nhà ngoại của A thì được ông B đồng ý. Về nhà ngoại A biết có người tìm mình đòi nợ nên A đem xe đã mượn của ông B đến gặp ông Võ Đình Th cầm xe lấy số tiền 2.500.000 đồng; A đem trả nợ hết 2.000.000 đồng, số tiền còn lại A tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 18 giờ ngày 26/02/2020, A ngồi uống cà phê với Phúc, Lê Th1 Tr, Nguyễn Danh C tại quán Lavender ở thị trấn Đất Đỏ. Trong lúc uống cà phê A nói với Tr do đang kẹt tiền nên đã cầm xe Surius của gia đình với giá 2.500.000 đồng, đồng thời nhờ Tr tìm chỗ cầm xe giá cao hơn, Tr đồng ý. A hỏi mượn xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10 của C chở Tr đi cầm điện thoại của Tr được 3.000.000 đồng để đi gặp ông Th1 chuộc xe Sirius mà A cầm. Sau đó Tr dẫn A đến gặp ông Trần Hữu D cầm xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 được 4.000.000 đồng; đồng thời cả 2 chở nhau bằng xe Vision đi chuộc điện thoại cho Tr và về lại quán cà phê Lavender.

Khoảng 20 giờ cùng ngày A tiếp tục hỏi mượn xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10 của C để chở Tr về nhà, C đồng ý.

Sau khi chở Tr về nhà A không mang xe trả cho C mà điều khiển xe của C lên Th1 phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ngày 27/02/2020 A đem xe của C đến cầm cho ông Nguyễn Th1 Tr được 7.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Do ông B và ông C không liên lạc được với A, không thấy A trả lại xe cho mình nên đã trình báo Công an.

Tang vật thu giữ, gồm:

01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 71H1-182.10; tuy nhiên ngày 30/3/2020 Công an Huyện Đất Đỏ đã lập thủ tục giao trả xe cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ng (là mẹ của Nguyễn Danh C);

01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 72K1-591.12; tuy nhiên ngày 30/3/2020 Công an huyện Đất Đỏ đã lập thủ tục giao trả xe cho ông Đinh Văn B.

Kết luận định giá số 15/KLĐGTS-HĐĐG ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá kết luận: “01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển kiểm soát 71H1-182.10 có giá trị còn lại là 24.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 có giá trị còn lại là 12.000.000 đồng.

Bị cáo Bùi Thanh A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 09/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố.

Bị hại ông Đinh Văn B trình bày: 25/02/2020, A mượn xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 của ông để về nhà ngoại của A thì được ông đồng ý; tuy nhiên qua ngày hôm sau ông liên lạc với A thì không được và cũng không thấy A mang xe trả cho ông nên ông đã trình báo Công an. Nay ông đã được Công an giao trả lại xe mà A mượn nên ông không yêu cầu A phải bồi thường gì khác.

Bị hại ông Nguyễn Danh C trình bày: Xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10 ông mượn của bà Nguyễn Thị Ngọc Ng là mẹ của ông để đi uống cà phê với Lê Th1 Tr, Bùi Thanh A tại quán Lavender ở thị trấn Đất Đỏ. Khoảng 20 giờ ngày 26/02/2020 A mượn xe nêu trên của ông để chở Tr về nhà và được ông đồng ý. Tuy nhiên đến ngày hôm sau thì ông không liên lạc được với A và cũng không thấy A mang xe trả cho ông như đã hứa nên ông báo cho mẹ ông biết để trình báo Công an.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Ng trình bày: Xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10 là do bà đứng tên đăng ký. Ngày 26/02/2020 bà cho Nguyễn Danh C là con bà mượn xe để đi uống cà phê với bạn; tuy nhiên ngày hôm sau thì được con bà cho biết đã cho Bùi Thanh A mượn nhưng không liên lạc được và cũng không thấy A mang xe đến trả nên bà đã trình báo Công an. Sau đó bà được biết A đã cầm xe của bà cho ông Nguyễn Tr Th1 ở Biên Hòa, Đồng Nai, nên ngày 03/3/2020 bà góp số tiền 1.500.000 đồng và bà Phan Thị Ngọc H là mẹ của A góp số tiền 5.700.000 đồng đến gặp Th1 chuộc xe về giao cho Công

an. Ngày 30/3/2020 bà đã được Công an huyện Đất Đỏ lập thủ tục giao trả lại xe nên bà không yêu cầu A phải trả lại cho bà số tiền 1.500.000 đồng. Bà Ng cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho A

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ngọc H trình bày: Bà là mẹ đẻ của Bùi Thanh A; do biết con bà có mượn xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10 của Nguyễn Danh C là con của bà Nguyễn Thị Ngọc Ng đi cầm cho ông Nguyễn Tr Th1 ở Biên Hòa, Đồng Nai, nên ngày 03/3/2020 bà góp số tiền 5.700.000 đồng, bà Ng góp số tiền 1.500.000 đồng đến gặp ông Th1 chuộc xe ra trả cho bà Ng. Nay bà không yêu cầu A phải trả lại cho bà số tiền 5.700.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung Th1 trình bày: Ngày 27/02/2020 A có đem xe Xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10 đến cầm cho ông để lấy số tiền 7.000.000 đồng; khi cầm A nói xe của gia đình nên ông không biết A lợi dụng lòng tin của người khác để lấy xe cầm cho ông. Ngày 03/3/2020 có 02 người phụ nữ xưng là mẹ của A và mẹ của người cho A mượn xe mang số tiền 7.200.000 đồng đến chuộc lại xe nên ông đã cho chuộc. Nay ông không có yêu cầu gì khác đối với A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đình Th trình bày: Ngày 25/02/2020, Bùi Thanh A có mang xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 đến cầm cho ông lấy số tiền 2.500.000 đồng; tuy nhiên ngày hôm sau A đã đến chuộc xe nêu trên về. Nay ông không có yêu cầu gì đối với A.

Nguyên đơn dân sự ông Trần Hữu D trình bày: Ông với ông Lê Th1 Tr là chỗ quen biết. Ngày 26/02/2020 ông Tr dẫn ông A mang xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 đến gặp ông để cầm lấy số tiền 4.000.000 đồng, khi cầm ông A nói xe này của gia đình; tuy nhiên sau đó Công an đã thu giữ xe nêu trên do ông A mượn của người khác đến cầm cho ông. Nay ông yêu cầu ông A phải trả lại cho ông số tiền 4.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 09/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ đã truy tố Bùi Thanh A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện VKSND huyện Đất Đỏ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Thanh A từ 16 (mười sáu) tháng đến 20 (hai mươi) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Công an huyện Đất Đỏ đã giao trả cho chủ sở hữu nên không đề nghị.

Về biện pháp tư pháp: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho ông Trần Hữu D số tiền 4.000.000 đồng.

- Bị cáo không có khiếu nại, tố cáo về hành vi và quyết định trong quá trình điều tra, truy tố, khởi tố, xét xử, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản tự khai, biên bản ghi lời khai, kết luận điều tra và cáo trạng đã nêu; Bị cáo không tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, khi nói lời sau cùng bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại địa bàn huyện Đất Đỏ; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đất Đỏ khởi tố vụ án đối với bị cáo là đúng thẩm quyền.

[2] *Về chủ thể hiện hành vi phạm tội*: Căn cứ vào Danh chỉ bản, trích lục tiền án, tiền sự và Lý lịch bị cáo có tại hồ sơ vụ án, Công an huyện Đất Đỏ, VKSND huyện Đất Đỏ khởi tố, truy tố đối với Bùi Thanh A (Tèo), sinh năm 1998, có cha là Bùi Xuân Đ, mẹ là Phan Thị Ngọc H, vợ là Huỳnh Thị Ngọc T là đúng đối tượng.

[3] *Về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của những người tham gia tố tụng trong vụ án, xác định:

Sáng ngày 25/02/2020, A Mượn xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 của ông Đinh Văn B để về nhà ngoại của A thì được ông B đồng ý. Về nhà ngoại A biết có người tìm mình đòi nợ nên A đem xe đã mượn của ông B đến gặp

ông Võ Đình Th cầm xe lấy số tiền 2.500.000 đồng; A đem trả nợ hết 2.000.000 đồng, số tiền còn lại A tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 26/02/2020, Trong lúc ngồi uống cà phê với Lê Th1 Tr, A nhờ Tr chuộc xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 để cầm chỗ khác với giá cao hơn và được Tr đồng ý. Sau đó Tr dẫn A đi cầm điện thoại của Tr để chuộc xe ra và dẫn A đến gặp ông Trần Hữu D cầm xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 được 4.000.000 đồng, đồng thời đi chuộc điện thoại cho Tr và về lại quán cà phê.

Khoảng 20 giờ cùng ngày A mượn xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10 của C để chở Tr về nhà, C đồng ý.

Sau khi chở Tr về nhà A không mang xe trả cho C mà điều khiển xe của C lên Th1 phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ngày 27/02/2020 A đem xe của C đến cầm cho ông Nguyễn Trung Th1 được 7.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tổng số tiền A cầm xe để trả nợ và tiêu xài là 11.000.000 đồng. Do đó đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 09/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo Bùi Thanh A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo*: Tuy bị cáo thực hiện phạm tội bột phát, không có kế hoạch hay lôi kéo ai khác tham gia, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân nơi xảy ra vụ việc.

Mặt khác bị cáo là thanh niên trưởng Thành, có thể lực và trí lực đầy đủ, lẽ ra bị cáo cần chí thú lao động để làm giàu cho bản thân và gia đình nhưng vì tư lợi cá nhân bị cáo lợi dụng lòng tin của người thân quen, mượn tài sản rồi mang đi cầm cố thế chấp lấy tiền tiêu xài, kích thích lòng tham và lối sống lười lao động cho người khác, bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện ý thức xem thường pháp luật.

Vì vậy cần có hình phạt tù có thời hạn tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, giáo dục, học tập và phấn đấu để trở Thành người tốt hơn, biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[6] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*:

[6.1] *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, chưa trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho ông Trần Hữu D là nguyên đơn dân sự; tuy tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nhưng để có được điều đó là do bị

hại và người liên quan tự nguyện giao nộp hoặc tự bỏ tiền chuộc về, nên về bản chất bị cáo chưa khắc phục và cũng chưa tác động người thân khắc phục thiệt hại.

[6.2] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản cầm cố đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu; tại Cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều Thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS;

[7] *Về xử lý vật chứng*: Đối với: 01 xe mô tô hiệu Hon da Vision, biển kiểm soát 71H1-182.10 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 72K1-591.12 là vật chứng thu giữ được; quá trình điều tra xác định chủ sở hữu xe Vision là bà Nguyễn Thị Ngọc Ng, chủ sở hữu xe Sirius là ông Đinh Văn B, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đất Đỏ đã giao trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS và Điều 48 BLHS.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo mang 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 72K1-591.12 của ông Đinh Văn B cầm cho ông Trần Hữu D lấy số tiền 4.000.000 đồng; khi biết bị cáo lấy xe của người khác cầm cho mình ông D đã giao xe cho Công an xử lý. Theo quy định Điều 127 và Điều 131 BLDS thì giao dịch giữa ông D và A là giao dịch vô hiệu do ông D bị A lừa dối và hai bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; tuy ông D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã cầm xe cho ông là có căn cứ, nên cần buộc bị cáo trả lại cho ông D số tiền 4.000.000 đồng.

[9] *Về hình phạt bổ sung*: HĐXX xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định và còn sống chung với gia đình nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] *Về các vấn đề khác*:

Đối với: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ng là chủ sở hữu xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10. Ngày 26/02/2020 bà cho Nguyễn Danh C là con bà mượn xe để đi uống cà phê với bạn nhưng đã bị A lợi dụng lòng tin mượn xe đi cầm cho người khác; bà Ng đã góp số tiền 1.500.000 đồng cùng mẹ của A chuộc xe về, nay bà Ng đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác nên chỉ đưa bà Ng vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với: Bà Phan Thị Ngọc H là mẹ đẻ của Bùi Thanh A, bà H có góp số tiền 5.700.000 đồng để cùng bà Ng là mẹ của C chuộc xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10 về; nay bà H không có yêu cầu gì đối với số tiền đã chuộc xe nên chỉ đưa bà H vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với: Ông Nguyễn Trung Th1 là người nhận cầm xe Vision màu đỏ, biển kiểm soát 72H1-182.10 do A mang đến với số tiền 7.000.000 đồng; tuy nhiên ông Th1 đã cho bà H và bà Ng chuộc xe ra, nay không có yêu cầu gì khác nên chỉ đưa ông Th1 vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với: Ông Võ Đình Th là người nhận cầm xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 vào ngày 25/02/2020 do A mang đến với số tiền 2.500.000 đồng; khi cầm ông Th1 không biết xe nhận cầm là do A mượn của người khác, ngày hôm sau A đã đến chuộc xe nêu trên về, nay ông Th1 không có yêu cầu gì khác nên chỉ đưa ông Th1 vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với: Ông Lê Thành Tr là người dẫn A đi chuộc xe xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 và mang đến cầm cho ông Trần Hữu D lấy số tiền 4.000.000 đồng, nhưng Tr không biết xe đó d A mượn của người khác nên chỉ đưa ông Tr vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với: Ông Trần Hữu D là người nhận cầm xe Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 72K1-591.12 vào ngày 26/02/2020 do A mang đến với số tiền 4.000.000 đồng; khi cầm ông D không biết xe nhận cầm do A mượn của người khác, khi biết sự việc ông D đã giao xe cho Công an xử lý. Ông D chưa được A hay người thân thích của A trả lại số tiền 4.000.000 đồng và yêu cầu A trả lại số tiền này nên cần xác định ông D là nguyên đơn dân sự trong vụ án này.

[] Bà Ng, bà H, ông Th, ông Th1, ông Tr, ông D được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo và Kiểm sát viên đề nghị tiếp tục giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy việc vắng mặt của những người nêu trên nhưng đã có lời khai tại hồ sơ, khi cần thiết thì công bố lời khai của họ nên không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 BLTTHS tiến hành xét xử vắng họ.

[11] *Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:* Xét thấy về điều luật, tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và nhân thân mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng là có căn cứ, phù hợp hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung nên HĐXX ghi nhận.

[12] *Về án phí:* Bị cáo phạm tội và bị kết án, không thuộc trường hợp miễn, giảm, đồng thời phải bồi thường cho người khác nên phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS, Điều 147 BLTTDS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[13] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định Điều 331 và Điều 333 BLTTHS.



*Vì các lẽ trên.*

Căn cứ vào: Các Điều 268, 269, 298, 299 của Bộ luật tố tụng hình sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh A (Tèo) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 32, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh A (Tèo) 16 (mười sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22-4-2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều: 127, 131, 357, 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, tuyên xử:

Buộc bị cáo Bùi Thanh A trả lại cho ông Trần Hữu D số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 Phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Bùi Thanh A phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Bùi Thanh A phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng);

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều: 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và VKSND cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-8-2020); bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Riêng nguyên đơn dân sự chỉ được kháng cáo đối với phần trách nhiệm dân sự của bản án.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự 2008;

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- Sở Tư pháp tỉnh BRVT;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BRVT ;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- CA huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND TT Phước Hải, H.Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Đạt**